



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT

ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436

ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 21 tháng 4 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Tân
Ông Phạm Xuân Trình
Ông Nguyễn Văn Miêng
Ông Nguyễn Xuân Vũ
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Bà Nguyễn Thị Khánh
Ông Vũ Ngọc Tuấn
Ông Nguyễn Ngọc Bình

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 25/4/2022)
Thành viên (đến ngày 25/4/2022)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Miêng
Ông Nguyễn Xuân Vũ
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Bà Nguyễn Thị Khánh
Ông Vũ Ngọc Tuấn
Bà Bùi Minh Hạnh

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu
Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định, 29-08-2022



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 6 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Thu nhập từ cổ tức

Trong năm 2020, Tổng công ty ghi nhận khoản cổ tức 5,75 tỷ VND từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định, một công ty liên kết, dựa trên đề xuất chia cổ tức của Hội đồng Quản trị mà chưa có sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông của công ty liên kết này. Ngày 29 tháng 4 năm 2021, Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt may Nam Định thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc chia cổ tức từ lợi nhuận giữ lại của năm 2020 với tỷ lệ 25% tương ứng là 5,75 tỷ VND cho Tổng công ty. Do đó, cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp đang bị ghi nhận thiếu cùng một khoản 5,75 tỷ VND. Vấn đề này khiến chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết luận soát xét ngoại trừ về báo cáo tài chính riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Tổng công ty. Chúng tôi cũng đưa ra kết luận soát xét ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng của kỳ hiện tại do ảnh hưởng của vấn đề này đối với tính có thể so sánh của doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện tại và số liệu so sánh có liên quan của kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Trích lập quỹ lương dự phòng

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 trong số dư phải trả người lao động có 15 tỷ VND là khoản Tổng Công ty trích dự phòng tiền lương trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để trả cho nhân viên cho kỳ sau. Việc ghi nhận dự phòng tiền lương này trên báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Công ty là chưa phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng ("VAS 18"), do Tổng Công ty chưa phát sinh nghĩa vụ nợ hiện tại với người lao động tại thời điểm báo cáo. Vì vậy, tại ngày 1 tháng 1 năm 2022, trên bảng cân đối kế toán riêng, phải trả người lao động đang bị ghi nhận thừa 15 tỷ VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước đang bị ghi nhận thiếu 3 tỷ VND và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đang bị ghi nhận thiếu 12 tỷ VND. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng tiền lương trên vào chi phí quản lý doanh nghiệp thay vì điều chỉnh vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót ("VAS 29").

Nếu Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh hoàn nhập trích lập dự phòng này một cách phù hợp theo quy định của VAS 29, thì:

- Phải trả người lao động và thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 sẽ giảm lần lượt là 15 tỷ VND và 3 tỷ VND;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 sẽ tăng 12 tỷ VND;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 sẽ tăng 15 tỷ VND;
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 sẽ giảm 3 tỷ VND; và
- Lợi nhuận sau thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 sẽ giảm 12 tỷ VND.



Kết luận soát xét ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trong phần Cơ sở của kết luận ngoại trừ, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-02-00160-22-1



Wang Toan Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3064-2019-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		536.769.200.838	457.467.088.338
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.429.955.860	38.235.752.829
Tiền	111	8	14.429.955.860	38.235.752.829
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.800.000.000	16.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	20.800.000.000	16.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		190.709.717.846	191.631.702.333
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	191.577.865.982	191.419.391.351
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.297.877.038	5.821.587.527
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	1.500.000.000	3.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	6.481.857.042	3.609.579.315
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(12.147.882.216)	(12.218.855.860)
Hàng tồn kho	140	14	310.362.993.201	208.923.022.047
Hàng tồn kho	141		310.929.154.914	209.489.183.760
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(566.161.713)	(566.161.713)
Tài sản ngắn hạn khác	150		466.533.931	2.676.611.129
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	19(a)	103.671.508	2.676.611.129
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		160.462.342	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	21	202.400.081	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		627.864.134.956	645.100.967.858
Các khoản phải thu dài hạn	210		598.872.604	695.980.960
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	3.798.872.604	3.895.980.960
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	13	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
Tài sản cố định	220		527.596.351.381	550.757.468.215
Tài sản cố định hữu hình	221	15	521.280.300.276	543.120.990.048
Nguyên giá	222		1.005.240.959.174	1.009.421.826.799
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(483.960.658.898)	(466.300.836.751)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	16	6.095.551.105	7.384.478.167
Nguyên giá	225		14.580.151.169	14.580.151.169
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.484.600.064)	(7.195.673.002)
Tài sản cố định vô hình	227		220.500.000	252.000.000
Nguyên giá	228		660.000.000	660.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(439.500.000)	(408.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	17	5.311.306.539	5.573.962.839
Nguyên giá	231		12.378.939.809	12.378.939.809
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.067.633.270)	(6.804.976.970)
Tài sản dở dang dài hạn	240		23.548.588.328	18.480.307.484
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	23.548.588.328	18.480.307.484
Đầu tư tài chính dài hạn	250		64.883.209.426	64.883.209.426
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	17.518.479.633	17.518.479.633
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	41.816.174.793	41.816.174.793
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(a)	4.200.000.000	4.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		5.925.806.678	4.710.038.934
Chi phí trả trước dài hạn	261	19(b)	5.925.806.678	4.710.038.934
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.164.633.335.794	1.102.568.056.196

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		858.280.491.513	832.245.877.378
Nợ ngắn hạn	310		518.875.805.087	469.550.354.830
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	130.628.313.405	176.936.273.879
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.600.476.512	3.268.756.597
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	5.828.260.152	2.046.616.407
Phải trả người lao động	314		16.602.814.613	32.329.038.022
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	1.955.290.753	2.523.629.198
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	26	245.122.927	612.811.831
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	11.801.030.099	1.456.513.448
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24(a)	349.619.688.794	249.720.260.955
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	594.807.832	656.454.493
Nợ dài hạn	330		339.404.686.426	362.695.522.548
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	3.831.923.822	3.831.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24(b)	335.572.762.604	358.863.598.726
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		306.352.844.281	270.322.178.818
Vốn chủ sở hữu	410	27	306.352.844.281	270.322.178.818
Vốn cổ phần	411	28	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	30	92.139.112.037	64.017.067.516
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.213.732.244	70.305.111.302
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		33.273.913.441	898.843.590
- LNST kỳ này/năm nay	421b		44.939.818.803	69.406.267.712
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.164.633.335.794	1.102.568.056.196

29 -08- 2022

Người lập:



Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Kim Oanh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	560.172.358.390	572.674.413.093
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	477.710.777.875	506.178.293.166
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		82.461.580.515	66.496.119.927
Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	11.618.072.725	9.960.927.731
Chi phí tài chính	22	35	26.397.998.752	23.153.335.507
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.418.148.734	19.959.950.100
Chi phí bán hàng	25	36	8.251.328.743	6.441.492.435
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	4.252.811.484	10.518.972.013
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		55.177.514.261	36.343.247.703
Thu nhập khác	31		424.054.526	537.350.270
Chi phí khác	32		911.324.643	85.472.581
(Lỗ)/ lãi khác (40 = 31 - 32)	40		(487.270.117)	451.877.689
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		54.690.244.144	36.795.125.392
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	9.750.425.341	6.418.711.807
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		44.939.818.803	30.376.413.585

29 -08- 2022

Người lập:



Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Kim Oanh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		54.690.244.144	36.795.125.392
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		29.624.830.504	29.446.142.871
Các khoản dự phòng	03		(70.973.644)	1.312.446.622
Lỗi/(lỗi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.578.091.993	(1.324.751.053)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(66.379.925)	(832.924.135)
Chi phí lãi vay	06		13.418.148.734	19.959.950.100
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		99.173.961.806	85.355.989.797
Biến động các khoản phải thu	09		(2.193.439.927)	(15.865.220.476)
Biến động hàng tồn kho	10		(101.439.971.154)	(7.214.332.608)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(64.742.594.936)	86.918.636.848
Biến động chi phí trả trước	12		1.357.171.877	(801.676.187)
			(67.844.872.334)	148.393.397.374
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.044.338.687)	(21.599.331.296)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	21	(5.000.000.000)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	25	(2.170.800.001)	(485.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(87.060.011.022)	126.308.566.078
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(9.403.153.718)	(9.341.360.463)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		154.629.630	328.765.000
Tiền chi cho vay và tiền gửi có kỳ hạn	23		(4.800.000.000)	(1.900.000.000)
Tiền thu hồi cho vay và rút tiền gửi có kỳ hạn	24		1.500.000.000	2.500.000.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		381.097.368	5.822.072.068
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.167.426.720)	(2.590.523.395)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	30/6/2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		539.931.642.790	385.295.493.801
Tiền trả nợ gốc vay	34		(463.749.163.612)	(502.473.342.067)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(1.058.767.750)	(937.387.598)
Tiền trả cổ tức	36		(7.500.000)	(17.495.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		75.116.211.428	(118.132.730.864)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(24.111.226.314)	5.585.311.819
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		38.235.752.829	16.548.630.328
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		305.429.345	399.615.526
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	14.429.955.860	22.533.557.673

29 -08- 2022

Người lập:

Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Thị Kim Oanh
Phụ trách kế toánNguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; và
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 4 công ty con và 4 công ty liên kết, được liệt kê tại Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty có 1.031 nhân viên (1/1/2022: 1.069 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 50 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản là thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tổng Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Tổng Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tổng Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	896.247.142	694.179.272
Tiền gửi ngân hàng	13.533.708.718	37.541.573.557
	<hr/> 14.429.955.860	<hr/> 38.235.752.829 <hr/>

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2022		1/1/2022
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc
	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	20.800.000.000	20.800.000.000	16.000.000.000
	<hr/>		<hr/>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn			
▪ Trái phiếu (ii)	4.200.000.000	(*)	4.200.000.000
	<hr/>		<hr/>

- (i) Khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,8% đến 6,4%/năm (1/1/2022: từ 4,8% đến 6,4%/năm).
- (ii) Các khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành bằng VND, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào các năm 2028 và 2029 và hưởng lãi suất từ 6,8% đến 7,2%/năm (1/1/2022: từ 6,8% đến 7,2%/năm).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	% sở hữu	% quyền biểu quyết	30/6/2022 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	1/1/2022 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty con								
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	52,52%	52,52%	2.876.479.633	(*)	52,52%	52,52%	2.876.479.633	(*)
• Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	100,00%	100,00%	5.000.000.000	(*)	100,00%	100,00%	5.000.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	62,58%	62,58%	5.632.500.000	(*)	62,58%	62,58%	5.632.500.000	(*)
• Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	53,46%	53,46%	4.009.500.000	(*)	53,46%	53,46%	4.009.500.000	(*)
			<u>17.518.479.633</u>				<u>17.518.479.633</u>	
Công liên kết								
• Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	3.045.174.793	(*)	36,00%	36,00%	3.045.174.793	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	23.000.000.000	(*)	36,92%	36,92%	23.000.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	1.980.000.000	(*)	36,00%	36,00%	1.980.000.000	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	45,97%	45,97%	13.791.000.000	(*)	45,97%	45,97%	13.791.000.000	(*)
			<u>41.816.174.793</u>				<u>41.816.174.793</u>	
Đơn vị khác								
• Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	0,002%	0,002%	1.348.555.000	2.169.482.450	0,002%	0,002%	1.348.555.000	2.812.445.700
			<u>60.683.209.426</u>				<u>60.683.209.426</u>	

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	4.964.408.495	3.620.564.093
Công ty TNHH MTV Chấn len Dệt May Nam Định	2.095.365.182	2.688.443.098
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	80.098.892	108.099.090
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	92.788.584.198	103.442.463.756
Bên khác		
Texglobal Pte., Ltd.	14.816.941.762	-
Arkay Knit Dyeing Mills Ltd.	10.903.572.000	-
Công ty TNHH Dệt May Phú Cường	6.293.073.735	3.157.017.578
China Ctexic Corporation	-	7.413.155.856
Xiamen ITG Group Corp., Ltd	-	8.983.499.940
Các khách hàng khác	59.635.821.718	62.006.147.940
	191.577.865.982	191.419.391.351

Khoản phải thu thương mại từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn và được tính lãi chậm nộp với lãi suất là 6,5%/năm (1/1/2022: 6,5%/năm) khi quá hạn mà các công ty này chưa thanh toán.

11. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn bao gồm các khoản cho vay cấp cho Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định, một công ty liên kết của Tổng Công ty. Các khoản cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm cho vay là 6,5%/năm (1/1/2022: 6,5%/năm).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu Kho bạc Nhà nước (*)	2.448.642.181	2.448.642.181
Phải thu các công ty con và công ty liên kết về tiền đất cho thuê	3.389.029.776	690.902.556
Ký cược, ký quỹ	420.868.000	420.868.000
Phải thu tiền lãi cho vay từ công ty liên kết	8.750.000	-
Phải thu khác	214.567.085	49.166.578
	6.481.857.042	3.609.579.315

- (*) Khoản phải thu từ Kho bạc Nhà nước là tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước liên quan đến hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty. Khoản tiền này bị hạn chế sử dụng do Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ pháp lý theo yêu cầu của Kho bạc Tỉnh Nam Định. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, toàn bộ khoản phải thu từ Kho bạc Nhà nước đã được trích lập dự phòng do Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khoản phải thu này không có khả năng thu hồi.

Trong các khoản phải thu ngắn hạn khác có các khoản phải thu từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty con		
Công ty TNHH MTV Chấn len Dệt May Nam Định	851.155.807	520.975.945
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định	817.076.484	-
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định	282.946.362	169.926.611
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định	1.304.960.709	-
Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định	141.640.414	-
	3.397.779.776	690.902.556

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Phải thu về thanh lý tài sản cố định (*)	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu dài hạn khác	598.872.604	695.980.960
	<hr/>	<hr/>
	3.798.872.604	3.895.980.960

(*) Đây là khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Kinh Bắc Thành Nam liên quan đến việc bán Nhà máy may Bình Minh từ năm 2016. Do vướng mắc trong các thủ tục hành chính liên quan đến việc chuyển nhượng cho đối tác, cho đến nay Tổng Công ty vẫn chưa thu hồi được khoản phải thu nói trên. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, toàn bộ khoản phải thu này đã được trích dự phòng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Dự phòng phải thu khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2022			Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	1/1/2022			Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND				Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Công ty TNHH Thành Vin	Trên 3 năm	5.014.999.999	(5.014.999.999)	-		Từ 2 năm đến 3 năm	5.074.999.999	(5.074.999.999)	-	
Công ty TNHH Sản xuất										
Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-		Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	
Các đối tượng khác	-	2.448.642.181	(2.448.642.181)	-		-	2.448.642.181	(2.448.642.181)	-	
Các đối tượng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	120.518.640	(40.369.868)	80.148.772		Từ 6 tháng đến 1 năm	366.272.674	(109.881.802)	256.390.872	
Các đối tượng khác	Từ 1 năm đến 2 năm	559.789.728	(279.894.864)	279.894.864		Từ 1 năm đến 2 năm	562.713.148	(281.356.574)	281.356.574	
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	4.680.915.939	(4.680.915.939)	-		Trên 3 năm	4.620.915.939	(4.620.915.939)	-	
		15.707.925.852	(15.347.882.216)	360.043.636			15.956.603.306	(15.418.855.860)	537.747.446	
<i>Trong đó:</i>										
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			(12.147.882.216)					(12.218.855.860)		
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			(3.200.000.000)					(3.200.000.000)		
			(15.347.882.216)					(15.418.855.860)		

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	57.702.737.045	-	53.550.393.750	-
Nguyên vật liệu	87.559.606.868	-	117.202.409.983	-
Công cụ và dụng cụ	83.078.809	-	130.681.174	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.547.792.353	-	10.620.349.806	-
Thành phẩm	124.907.466.454	(501.082.333)	20.111.594.585	(501.082.333)
Hàng hóa	28.128.473.385	(65.079.380)	2.192.362.394	(65.079.380)
Hàng gửi bán	-	-	5.681.392.068	-
	310.929.154.914	(566.161.713)	209.489.183.760	(566.161.713)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	300.609.468.762	2.937.898.860	665.156.154.479	40.718.304.698	1.009.421.826.799
Mua mới trong kỳ	-	-	479.871.217	-	479.871.217
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 18)	2.407.371.291	-	3.385.381.187	406.530.748	6.199.283.226
Thanh lý	(422.670.405)	-	(10.437.351.663)	-	(10.860.022.068)
Số dư cuối kỳ	302.594.169.648	2.937.898.860	658.584.055.220	41.124.835.446	1.005.240.959.174
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	100.998.006.964	1.799.508.320	342.806.419.029	20.696.902.438	466.300.836.751
Khấu hao trong kỳ	7.756.169.496	94.583.285	18.200.455.402	1.990.538.959	28.041.747.142
Thanh lý	(195.005.148)	-	(10.186.919.847)	-	(10.381.924.995)
Số dư cuối kỳ	108.559.171.312	1.894.091.605	350.819.954.584	22.687.441.397	483.960.658.898
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	199.611.461.798	1.138.390.540	322.349.735.450	20.021.402.260	543.120.990.048
Số dư cuối kỳ	194.034.998.336	1.043.807.255	307.764.100.636	18.437.394.049	521.280.300.276

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 có các tài sản cố nguyên giá 193.250 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2022: 189.293 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại 451.578 triệu VND (1/1/2022: 487.935 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	14.580.151.169
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	7.195.673.002
Khấu hao trong kỳ	1.288.927.062
Số dư cuối kỳ	8.484.600.064
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	7.384.478.167
Số dư cuối kỳ	6.095.551.105

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính với giá trị còn lại 6.096 triệu VND (1/1/2022: 7.384 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản nợ thuê tài chính của Tổng Công ty (Thuyết minh 24(b)(ii)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	12.378.939.809
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	6.804.976.970
Khấu hao trong kỳ	262.656.300
Số dư cuối kỳ	7.067.633.270
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	5.573.962.839
Số dư cuối kỳ	5.311.306.539

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; và
- Ki-ốt cho thuê tại Số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	18.480.307.484	18.461.496.771
Tăng trong kỳ	11.983.392.891	11.401.861.255
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(6.199.283.226)	(9.767.067.712)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(715.828.821)	(1.816.965.596)
Số dư cuối kỳ	23.548.588.328	18.279.324.718

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá	12.944.252.512	12.944.252.512
Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.135	5.013.367.135
Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	1.844.551.593	114.506.019
Các công trình khác	3.746.417.088	408.181.818
	23.548.588.328	18.480.307.484

19. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	-	50.424.503
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	103.671.508	2.626.186.626
	103.671.508	2.676.611.129

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	4.710.038.934
Tăng trong kỳ	2.568.285.208
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 18)	715.828.821
Phân bổ trong kỳ	(2.068.346.285)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	5.925.806.678
	<hr/>

20. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	1.020.863.299	1.306.635.543
Bên khác		
Ecom USA LLC	40.694.545.566	14.063.622.108
Harris Cotton Pty Limited	27.385.581.600	-
Devcot S.A	19.691.313.710	10.862.653.682
Louis Dreyfus Company Suisse S.A	13.527.256.065	16.012.073.130
Viterra B.V.	-	23.567.057.313
Afcom Trading DMCC	-	22.270.931.250
Olam International Limited	-	27.286.383.189
Ecom Commodities Pty. Ltd	-	15.631.727.990
Các nhà cung cấp khác	28.308.753.165	45.935.189.674
	<hr/>	<hr/>
	130.628.313.405	176.936.273.879
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.025.540.578	27.892.803.351	(28.891.167.992)	27.175.937
Thuế nhập khẩu	-	293.377.760	(293.377.760)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.004.577.642	9.750.425.341	(5.000.000.000)	5.755.002.983
Thuế thu nhập cá nhân	5.372.254	125.397.961	(115.812.505)	14.957.710
Thuế tài nguyên	11.125.933	72.024.509	(69.026.920)	14.123.522
Tiền thuê đất	-	3.539.574.533	(3.522.574.533)	17.000.000
Các loại thuế khác	-	25.608.800	(25.608.800)	-
	2.046.616.407	41.699.212.255	(37.917.568.510)	5.828.260.152

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí lãi vay	1.023.380.000	1.105.384.169
Chi phí điện, nước phải trả	811.830.753	1.126.826.847
Chi phí khác	120.080.000	291.418.182
	1.955.290.753	2.523.629.198

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.571.222.784	322.416.203
Cổ tức phải trả	7.678.806.250	886.306.250
Chi phí lãi vay phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	1.372.896.065	189.610.995
Chi phí lãi vay phải trả Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	193.375.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	984.730.000	58.180.000
	11.801.030.099	1.456.513.448

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty (*)	3.712.500.000	3.712.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	3.831.923.822	3.831.923.822

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (công ty liên kết) cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Vay và nợ thuê tài chính****(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2022 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong kỳ Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	30/6/2022 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	234.956.549.846	539.931.642.790	(436.001.224.754)	590.240.550	339.477.208.432
Vay dài hạn đến hạn trả	12.634.645.717	4.035.382.091	(8.676.634.154)	-	7.993.393.654
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	2.129.065.392	1.078.789.066	(1.058.767.750)	-	2.149.086.708
	249.720.260.955	545.045.813.947	(445.736.626.658)	590.240.550	349.619.688.794

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	3,3% - 3,5%	150.521.846.302	58.207.279.206
Vay ngân hàng 2	VND	6,5%	5.371.326.669	2.600.000.000
Vay ngân hàng 3	USD	4,4%	-	15.177.228.596
Vay ngân hàng 4	VND	6,4%	11.256.252.799	-
Vay ngân hàng 5	VND	6,5%	19.790.318.921	44.936.382.390
Vay ngân hàng 6	USD	3,8% - 4%	16.592.364.543	-
Vay ngân hàng 7	USD	3,4%	57.649.635.663	54.609.565.783
Vay ngân hàng 8	USD	2,88%	64.440.301.181	45.349.137.660
Vay cá nhân	VND	2,4% - 6,9%	13.855.162.354	14.076.956.211
			339.477.208.432	234.956.549.846

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị ghi sổ là 59.748 triệu VND (1/1/2022: 62.327 triệu VND).

Các khoản vay cá nhân không có tài sản đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay dài hạn (i)	341.060.585.453	367.964.580.174
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	4.654.657.513	5.662.729.661
	345.715.242.966	373.627.309.835
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(10.142.480.362)	(14.763.711.109)
	335.572.762.604	358.863.598.726

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	7%	2023	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	131.562.202.658	130.393.830.448
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định (*)	VND	8,5%	2024	9.000.000.000	9.000.000.000
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 8 (***)	USD	4,5% - 5,5%	2024	77.555.268.818	90.651.531.608
Vay từ ngân hàng 9 (***)	VND	11,0%	2023	41.201.823.197	53.950.138.307
Vay từ ngân hàng 10 (****)	USD	7,7%	2024	7.291.902.172	9.519.691.203
Vay nhân viên (*)	VND	9,6%	2024	9.450.000.000	9.450.000.000
				341.060.585.453	367.964.580.174

(*) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ, cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 115.798 triệu VND (1/1/2022: 121.136 triệu VND).

(***) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 235.715 triệu VND (1/1/2022: 261.707 triệu VND).

(****) Khoản vay này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 40.317 triệu VND (1/1/2022: 42.765 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(ii) Các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2022			1/1/2022		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	2.456.068.470	306.981.762	2.149.086.708	2.413.530.793	284.465.401	2.129.065.392
Trong vòng hai đến năm năm	2.599.686.950	94.116.145	2.505.570.805	3.705.633.993	171.969.724	3.533.664.269
	5.055.755.420	401.097.907	4.654.657.513	6.119.164.786	456.435.125	5.662.729.661

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, trong nợ thuê tài chính có số nợ có gốc bằng ngoại tệ xấp xỉ 131.071 USD (1/1/2022: 154.352 USD).

Các khoản nợ thuê tài chính này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình thuê tài chính có giá trị còn lại là 6.096 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: 7.384 triệu VND) (Thuyết minh 16).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	656.454.493	1.280.854.493
Trích lập trong kỳ	2.109.153.340	-
Sử dụng trong kỳ	(2.170.800.001)	(485.500.000)
Số dư cuối kỳ	594.807.832	795.354.493

26. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước từ công ty con liên quan đến hoạt động cho thuê máy móc thiết bị.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	136.000.000.000	64.017.067.516	898.843.590	200.915.911.106
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	30.376.413.585	30.376.413.585
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	136.000.000.000	64.017.067.516	31.275.257.175	231.292.324.691
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	136.000.000.000	64.017.067.516	70.305.111.302	270.322.178.818
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	44.939.818.803	44.939.818.803
Phân bổ vào các quỹ	-	28.122.044.521	(28.122.044.521)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(2.109.153.340)	(2.109.153.340)
Cổ tức trả bằng tiền (Thuyết minh 29)	-	-	(6.800.000.000)	(6.800.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	136.000.000.000	92.139.112.037	78.213.732.244	306.352.844.281

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	30/6/2022 và 1/1/2022		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn cổ phần VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.299.700	53,67	72.997.000.000
Bà Trung Thị Nga	719.000	5,29	7.190.000.000
Các cổ đông khác	5.581.300	41,04	55.813.000.000
	13.600.000	100,00	136.000.000.000

29. Cổ tức

Vào ngày 25 tháng 4 năm 2022, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2021 cho các cổ đông theo tỷ lệ 20% bao gồm 15% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 20 cổ phiếu thường được nhận 3 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức) và 5% bằng tiền (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu thường được nhận 500 đồng).

Vào ngày 25 tháng 5 năm 2022, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt Nghị quyết về Phương án chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngày 10 tháng 8 năm 2022, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt Nghị quyết về ngày chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức bằng tiền mặt và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức vào ngày 25 tháng 8 năm 2022.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức chưa được hoàn tất. Do vậy, giao dịch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu này chưa được Tổng Công ty phản ánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

30. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.951.147.000	1.951.147.000
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	7.804.588.000
Sau năm năm	50.079.439.667	51.055.013.167
	<hr/>	<hr/>
	59.835.174.667	60.810.748.167
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	186.168	4.266.504.083	626.615	14.169.212.565
EUR	450	11.281.457	450	11.281.457
		<hr/>		<hr/>
		4.277.785.540		14.180.494.022
		<hr/>		<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Bán hàng	487.305.632.619	506.567.958.822
Cung cấp dịch vụ	17.471.674.620	19.939.965.138
Dịch vụ gia công	50.185.588.579	40.397.922.553
Cho thuê bất động sản đầu tư	5.209.462.572	5.768.566.580
	560.172.358.390	572.674.413.093

33. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	417.967.501.595	448.701.901.720
Dịch vụ đã cung ứng	11.053.009.346	11.697.456.449
Dịch vụ gia công	46.407.388.980	43.490.396.055
Bất động sản đầu tư cho thuê	2.282.877.954	2.288.538.942
	477.710.777.875	506.178.293.166

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	389.847.368	562.556.100
Lãi do người mua chậm trả	1.211.575.965	2.504.391.931
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.350.386.785
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.016.649.392	5.543.592.915
	11.618.072.725	9.960.927.731

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.418.148.734	19.959.950.100
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.401.758.025	3.167.749.675
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.578.091.993	25.635.732
	<hr/>	<hr/>
	26.397.998.752	23.153.335.507
	<hr/>	<hr/>

36. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	1.659.802.389	1.326.084.164
Chi phí đại lý bán hàng	1.407.785.553	872.130.623
Chi phí xuất khẩu	4.023.895.465	3.322.960.312
Chi phí bán hàng khác	1.159.845.336	920.317.336
	<hr/>	<hr/>
	8.251.328.743	6.441.492.435
	<hr/>	<hr/>

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí lương nhân viên	(3.225.478.873)	2.952.562.998
Dự phòng phải thu khó đòi	(70.973.644)	1.292.785.897
Chi phí phân bổ trả trước	508.156.318	727.979.296
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.276.610.450	1.265.020.897
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.764.497.233	4.280.622.925
	<hr/>	<hr/>
	4.252.811.484	10.518.972.013
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	383.337.994.138	336.078.204.888
Chi phí nhân công	45.604.915.811	54.769.885.081
Chi phí khấu hao và phân bổ	29.624.830.504	29.446.142.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.754.412.052	93.465.644.324
Chi phí khác	11.542.219.546	15.402.299.749

39. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	54.690.244.144	36.795.125.392
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	10.938.048.829	7.359.025.078
Chi phí không được khấu trừ thuế	24.000.000	-
Ảnh hưởng của các khoản chênh lệch tạm thời	-	240.000.000
Lợi ích của chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế trong các năm trước được phép mang sang kỳ sau (*)	(1.211.623.488)	(1.180.313.271)
	9.750.425.341	6.418.711.807

(*) Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế là số chi phí lãi vay trong kỳ vượt quá 30% tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ cộng chi phí lãi vay (sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay) và chi phí khấu hao phát sinh trong kỳ, do đó không được tính là chi phí khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết do Chính phủ ban hành ngày 5 tháng 11 năm 2020 (“Nghị định 132”). Theo Nghị định 132, các khoản chi phí lãi vay này được chuyển sang kỳ tính thuế sau và thời hạn được chuyển tiếp không quá 5 năm liên tục kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế của năm 2019 và 2020 lần lượt là 18.180 triệu VND và 18.245 triệu VND được mang sang tối đa đến năm 2024 và 2025.

Trong năm 2021 và trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Tổng Công ty đã ghi nhận khoản lợi ích thuế lần lượt là 16.135 triệu VND và 6.058 triệu VND tương ứng từ chi phí lãi vay không được khấu trừ của các năm trước theo hướng dẫn của Nghị định 132. Theo đó, chi phí lãi vay không được khấu trừ thuế của năm 2020 là 14.232 triệu VND được mang sang tối đa đến năm 2025.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	29.250.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.000.000	11.000.000
Hoàn trả khoản vay	1.135.141.641	1.233.663.803
Lãi vay và phí nhập gốc vay	1.355.552.370	1.133.242.122
Chi phí lãi vay	2.256.280.143	2.256.280.143
Chia cổ tức bằng tiền	3.649.560.000	-
Công ty con		
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	21.574.138	20.835.865
Mua dịch vụ	5.311.927.215	4.221.804.408
Chi phí lãi vay	384.625.000	384.625.000
Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	5.086.340.856	4.450.377.112
Mua hàng hóa	-	522.500
Công ty Cổ phần Dệt khăn Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	12.632.475.584	14.295.345.308
Mua hàng hóa	564.007.693	14.293.066.358
Lãi do người mua chậm trả	81.568.916	-
Công ty Cổ phần May IV Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.090.455.727	1.527.053.106
Mua dịch vụ	5.386.350	34.786.943
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	65.549.019.777	57.324.375.569
Mua hàng hóa	43.996.974.945	23.833.881.489
Lãi do người mua chậm trả	1.130.007.049	2.504.391.931

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
<i>Công ty Cổ phần May V Dệt May Nam Định</i>		
Bán hàng hóa	618.848.754	617.070.868
Khoản cho vay	-	1.900.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	1.500.000.000	2.500.000.000
Thu nhập lãi vay	75.645.833	201.685.796
<i>Công ty Cổ phần May I Dệt May Nam Định</i>		
Cung cấp dịch vụ	18.440.736	1.243.307.976
Mua hàng hóa	2.253.000	-
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của		
Người quản lý chủ chốt		
<i>Hội đồng Quản trị</i>		
Ông Phạm Văn Tân – Chủ tịch	30.000.000	22.000.000
Ông Nguyễn Văn Miêng – Thành viên	18.000.000	14.000.000
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Thành viên	18.000.000	14.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thành viên	18.000.000	14.000.000
Bà Nguyễn Thị Khánh – Thành viên	18.000.000	14.000.000
Ông Phạm Xuân Trình – Thành viên	18.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên	12.000.000	6.000.000
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Thành viên	6.000.000	-
<i>Ban Giám đốc</i>		
Ông Nguyễn Văn Miêng – Tổng Giám đốc	159.303.195	118.646.765
Ông Nguyễn Xuân Vũ – Phó Tổng Giám đốc	6.980.000	13.755.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Phó Tổng Giám đốc	131.139.893	116.887.371
Bà Nguyễn Thị Khánh – Phó Tổng Giám đốc	6.980.000	13.287.000
Ông Vũ Ngọc Tuấn – Phó Tổng Giám đốc	113.981.197	97.339.186
Bà Bùi Minh Hạnh – Giám đốc Điều hành	91.229.333	88.358.970
<i>Ban Kiểm soát</i>		
Bà Trần Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm soát	18.000.000	6.000.000
Ông Đoàn Văn Dũng – Thành viên Ban Kiểm soát	-	6.000.000
Bà Đặng Thanh Huyền – Thành viên Ban Kiểm soát	12.000.000	8.000.000
Bà Đỗ Thị Thơ – Thành viên Ban Kiểm soát	-	4.000.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2022	30/6/2021
	VND	VND
Bù trừ khoản phải trả với cổ tức phải thu trong kỳ	-	198.534.000
Lãi vay và phí nhập gốc vay	79.154.146	369.816.639

42. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

29 -08- 2022

Người lập:



Trần Phương Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thị Kim Oanh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc